

CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## QUÝ I NĂM 2012

Tên cơ sở KD : Cty CP Phát Triển Nhà Thủ Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ : 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mã số thuế : 0302346036

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2012

STT	Tên hồ sơ	Số trang
1	Bảng cân đối kế toán	1-2
2	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4
4	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	5-31

Lập, ngày 11 tháng 5 năm 2012

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ CHÍ HIẾU**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>688.460.627.705</b>	<b>933.322.341.583</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>28.204.038.340</b>	<b>48.787.425.575</b>
111	1. Tiền		16.399.949.638	36.475.261.039
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.804.088.702	12.312.164.536
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4.</b>	<b>2.128.882.171</b>	<b>4.242.664.064</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.128.882.171	4.242.664.064
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>238.698.236.400</b>	<b>470.321.495.342</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		199.616.120.775	224.307.885.652
132	2. Trả trước cho người bán		19.523.129.841	133.658.305.713
135	5. Các khoản phải thu khác	5	19.558.985.784	112.355.303.977
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6.</b>	<b>405.882.098.396</b>	<b>398.728.451.548</b>
141	1. Hàng tồn kho		405.882.098.396	398.728.451.548
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>13.547.372.398</b>	<b>11.242.305.054</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	1.917.446.774	95.364.873
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.827.344.023	3.405.531.271
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	32.853.792	48.050.589
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	8.769.727.809	7.693.358.321
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.478.961.981.723</b>	<b>1.332.338.082.812</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>221.514.692.659</b>	<b>225.695.191.015</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	177.316.454.652	180.984.898.932
222	- Nguyên giá		215.831.361.576	216.957.168.151
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.514.906.924)	(35.972.269.219)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	20.137.020.365	20.649.074.441
228	- Nguyên giá		25.995.346.429	26.006.346.429
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.858.326.064)	(5.357.271.988)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	24.061.217.642	24.061.217.642
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>8.544.740.606</b>	<b>8.714.014.697</b>
241	- Nguyên giá		11.740.332.435	11.740.332.435
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.195.591.829)	(3.026.317.738)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>1.178.728.312.490</b>	<b>1.033.204.680.525</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		143.766.000.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		495.627.220.916	497.143.948.589
258	3. Đầu tư dài hạn khác		583.621.018.880	590.413.114.662
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(44.285.927.306)	(54.352.382.726)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>65.014.745.856</b>	<b>59.362.628.037</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	47.305.110.708	41.652.902.889
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	3.381.281.148	3.381.281.148
268	3. Tài sản dài hạn khác	17	14.328.354.000	14.328.444.000
269	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>18</b>	<b>5.159.490.111</b>	<b>5.361.568.538</b>
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.167.422.609.428</b>	<b>2.265.660.424.395</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>818.757.439.840</b>	<b>850.426.631.230</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>383.604.058.720</b>	<b>409.994.135.929</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	19	255.497.814.406	260.119.145.309
312	2. Phải trả người bán		27.039.643.167	28.081.754.965
313	3. Người mua trả tiền trước		27.094.986.114	23.008.610.538
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	26.705.974.784	33.105.885.823
315	5. Phải trả người lao động		5.406.508.748	11.650.416.495
316	6. Chi phí phải trả	21	18.781.691.568	18.088.130.113
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	22	14.565.816.702	22.216.818.965
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.511.623.231	13.723.373.721
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>435.153.381.120</b>	<b>440.432.495.301</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	23	70.551.217.887	81.012.834.571
334	4. Vay và nợ dài hạn	24	362.974.556.361	357.873.100.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.627.606.872	1.507.690.380
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.311.356.235.006</b>	<b>1.318.225.020.229</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	25	<b>1.311.356.235.006</b>	<b>1.318.225.020.229</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		378.750.000.000	378.750.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		434.907.537.026	434.907.537.026
414	4. Cổ phiếu quỹ		(2.962.357.112)	(2.962.357.112)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		39.135.258	1.568.631.952
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		437.099.755.902	436.553.963.709
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		46.893.434.822	46.641.542.530
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.628.729.110	22.765.702.124
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
439	<b>C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>		<b>37.308.934.582</b>	<b>97.008.772.936</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.167.422.609.428</b>	<b>2.265.660.424.395</b>

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
		VND	VND
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	26	27.043.058.000	27.043.058.000

Người lập

Kế toán trưởng

Lập ngày 11 tháng 5 năm 2012

Phòng Giám đốc









Lê Ngọc Châu

Duàn Minh Tuấn

Lê Chí Kiên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Quý 1 năm 2012**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	77.339.949.633	124.539.884.949
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28	10.385.343.656	3.778.175.361
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	29	66.954.605.977	120.761.709.588
11	4. Giá vốn hàng bán	30	57.007.369.463	80.086.753.394
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.947.236.514	40.674.956.194
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	3.344.937.223	15.660.215.001
22	7. Chi phí tài chính	32	2.675.526.499	11.857.634.530
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.037.717.032	8.360.161.184
24	8. Chi phí bán hàng		2.483.391.244	2.994.694.181
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.622.976.634	14.957.851.649
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.489.720.640)	26.524.990.835
31	11. Thu nhập khác	33	594.171.278	902.981.305
32	12. Chi phí khác	34	87.080.072	16.440.470
40	13. Lợi nhuận khác		507.091.206	886.540.835
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	35	3.880.962.293	248.831.374
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.898.332.859	27.660.363.044
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	36	626.940.941	6.775.692.345
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.271.391.918	20.884.670.699
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	37	(709.207.324)	(375.985.760)
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		2.980.599.242	21.260.656.459
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	38	79	561

Lập ngày 11 tháng 5 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Lê Ngọc Châu

Quan Minh Tuấn

Lê Chí Hiếu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**Quý 1 năm 2012**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		104.658.371.531	150.881.611.945
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(53.065.094.542)	(72.884.465.226)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(18.982.798.203)	(16.949.089.225)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(14.940.640.644)	(8.372.247.850)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.005.685.483)	(27.936.164.131)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		43.076.755.878	90.434.896.956
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(83.606.198.907)	(114.853.546.716)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(26.865.290.370)</b>	<b>320.995.753</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(32.090.912)	(706.920.425)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		909.091	5.392.018
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(61.200.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		63.781.893	56.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(8.200.927.404)	(48.260.767.182)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị		13.911.014.516	12.903.219.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.547.477.075	7.888.487.810
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>8.290.164.259</b>	<b>(33.370.588.779)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.000.000.000	1.600.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		48.445.999.748	96.481.421.043
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(47.965.874.290)	(83.804.385.659)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.880.018.624)	(40.957.783.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(399.893.166)</b>	<b>(26.680.747.616)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(18.975.019.277)	(59.730.340.642)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		47.179.057.617	103.587.155.168
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<b>28.204.038.340</b>	<b>43.856.814.526</b>

Lập ngày 11 tháng 5 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Lê Chí Hiếu

Lê Ngọc Châu

Quan Minh Tuấn

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2012

### 1 THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức, tên giao dịch quốc tế Thu Duc Housing Development Corporation, viết tắt là Thu Duc House được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 7967/QĐ-UB-CNN ngày 24 tháng 11 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh chuyển Công ty Phát Triển Nhà và Dịch Vụ khu công nghiệp Thủ Đức thành Công ty Cổ Phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0302346036 (đổi từ số 4103000457) lần đầu ngày 15/06/2001 và thay đổi lần thứ 11 ngày 07/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 378.750.000.000 VND. Tương đương 37.875.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM.

Thông tin về các cty con, cty liên doanh cty liên kết tại thời điểm ngày 31/03/2012

*Thông tin về các công ty con tại thời điểm ngày 31/03/2012*

Tổng số các công ty con: 8 công ty, trong đó:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 7 công ty.
- Số lượng Cty con không hợp nhất: 1 : (\*) Cty TNHH Đầu Tư Phúc Thịnh Đức chưa có báo cáo quý 1/2012

*Thông tin chi tiết về các công ty con :*

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Cty TNHH Quản lý & KD Chợ nông sản Thủ Đức	TP Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Dịch vụ
Cty TNHH Nước đá tinh khiết Đông An Bình	TP Hồ Chí Minh	100,00%	99,60%	Sản xuất nước đá
Cty TNHH Dịch vụ Tam Bình Thủ Đức	TP Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Dịch vụ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức	TP Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Kinh doanh xăng dầu
Cty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức (*)	TP.HCM	70,00%	70,00%	KD bất động sản
Cty CP Thông Đức	Lâm Đồng	71,96%	71,96%	Khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ Phần Đầu tư Huế Nhà Thủ Đức	Thừa Thiên Huế	75,00%	75,00%	Kinh doanh bất động sản
Cty CP Tiến Lộc Đức	TP.HCM	100,00%	99,93%	Thương mại, dịch vụ

*Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm ngày 31/03/2012:*

Tổng số các công ty liên doanh, liên kết: 13 công ty, trong đó:

- Số lượng các công ty liên kết được hợp nhất: 07, danh sách cụ thể như sau:
  - + Công ty CP Phát triển nhà Deawon –Thủ Đức;
  - + Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú;
  - + Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á;
  - + Công ty CP Đầu tư Phước Long;



- + Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng;
- + Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức;
- + Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại Gia Đức.
- Số lượng các công ty liên doanh được hợp nhất: 01 công ty, cụ thể như sau:
  - + Công ty Liên doanh TDH Property Ventures (USA).
- Số lượng các công ty liên kết chưa được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu: 05 công ty, danh sách cụ thể như sau:
  - + Công ty CP Đầu tư Nghĩa Phú; (1)
  - + Công ty TNHH Bách Phú Thịnh; (1)
  - + Công ty Cổ Phần Đầu tư Ngôi Sao Gia Định; (1)
  - + Công ty liên doanh CN Công ty TNHH Bảo vệ Hùng Vương; (2)
  - + Công ty TNHH TM Vận tải Dịch vụ Than Ngọc Thành. (2) & (3)
- (1) Ba công ty không được hợp nhất là do đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chưa phát sinh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (2) Hai công ty không được hợp nhất là do khoản đầu tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất.
- (3) Đầu tư gián tiếp qua Công ty TNHH Dịch vụ Tam Bình Thủ Đức (Công ty con)

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Quản lý và kinh doanh nhà;
- Xây dựng các công trình về nhà ở, công trình công cộng và dân dụng khác;
- Sản xuất gạch, ngói, gạch bông (không hoạt động tại trụ sở);
- **Thiết kế mẫu nhà ở, công trình dân dụng phục vụ cho nhu cầu xây dựng của đơn vị;**  
Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư Linh Xuân, Thủ Đức;
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, cầu đường, sân bãi, nền móng công trình, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước công trình;
- San lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;  
Sản xuất, lắp dựng khung nhà tiền chế, kệ thép, các cấu kiện thép: dầm cầu thép, xà, thanh giằng, cột tháp (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng, sắt, thép, đá, cát, sỏi;
- Đại lý mua bán xăng, dầu, nhớt;  
Hoạt động câu lạc bộ thể dục thể thao: sân tennis, hồ bơi, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, bóng rổ, cầu lông;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);  
  
Mua bán, chế biến hàng nông sản thực phẩm (không chế biến thực phẩm tươi sống và thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP Hồ Chí Minh);



**Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Dịch vụ: khai thuê hải quan, quảng cáo, bốc dỡ hàng hóa, đóng gói (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Thiết kế tạo mẫu; In trên bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan);
- Tổ chức hội chợ, hội nghị, hội thảo, triển lãm thương mại;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh nhà;
- Cho thuê nhà, kho bãi, văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản;  
Dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đầu  
- giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán của Cty bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 31/03/2012.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

#### **Góp vốn liên doanh**

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

#### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### **Bất lợi kinh doanh**

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án, công trình được xác định theo chi phí thực tế phát sinh đến thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi trừ đi giá vốn ước tính của phần công việc đã hoàn thành và kết chuyển doanh thu đến thời điểm lập báo cáo.



Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	03 - 06	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng (44 năm)

#### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

#### Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX): giá trích lập dự phòng là giá giao dịch bình quân tại ngày 31/03/2012.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE): giá trích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày 31/03/2012.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn: được trích lập dự phòng tổn thất nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ. Cơ sở trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của tổ chức kinh tế mà Công ty đầu tư.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

#### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.



Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Cty.

#### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" thì các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 1.568.631.952 đồng sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2011

#### Nguyên tắc ghi nhận lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định là phần lợi ích trong kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con tương ứng với các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Các khoản lỗ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong cty con được hợp nhất có thể lớn hơn số vốn của họ trong công ty con. Khoản lỗ vượt trên phần vốn của các cổ đông thiểu số này được tính giảm vào phần lợi ích của công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào phần lợi ích của công ty mẹ cho tới khi phần lỗ trước đây do công ty mẹ gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ



### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu bán căn hộ xây dựng theo tiến độ*

Công ty ghi nhận doanh thu theo khối lượng công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính và đã ký hợp đồng bán căn hộ cho người mua. Giá vốn của căn hộ được ước tính phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trên cơ sở tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để hoàn thành công trình. Chính sách này sẽ được áp dụng nhất quán trong thời gian thực hiện dự án và được chấp nhận phổ biến ở Việt Nam.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**Nguyên tắc ghi nhận phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**

Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận tương ứng với phần lợi ích trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty liên kết, liên doanh sau khi phân bổ lợi thế thương mại.

**Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Phân phối lợi nhuận**

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trích Quỹ dự phòng tài chính không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ; Trích 10% Quỹ khen thưởng và phúc lợi, tỷ lệ trích có thể thay đổi theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn

Lợi nhuận còn lại do Hội đồng quản trị đề nghị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động

**Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực KD và bộ phận theo khu vực địa lý.**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh doanh khác.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.725.403.137	2.195.531.176
Tiền gửi ngân hàng	14.674.546.501	34.279.729.863
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	11.804.088.702	12.312.164.536
	<b>28.204.038.340</b>	<b>48.787.425.575</b>
	<hr/>	<hr/>
4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn (1)	38.020.000	38.020.000
Đầu tư ngắn hạn khác (2)	2.090.862.171	4.204.644.064
	<b>2.128.882.171</b>	<b>4.242.664.064</b>
	<hr/>	<hr/>

(1) Chi tiết chứng khoán đầu tư ngắn hạn:		31/03/2012		01/01/2012	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>					
- Cổ phiếu NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	5.323	38.020.000	5.323	38.020.000	
		<b>38.020.000</b>		<b>38.020.000</b>	
(2) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn khác		31/03/2012	01/01/2012		
		VND	VND		
<b>Cho vay ngắn hạn</b>		<b>2.090.862.171</b>	<b>4.204.644.064</b>		
- Công ty TNHH Hoa Trí Thiện		590.862.171	590.862.171		
- Công ty CP SXTM Gia Đức		-	63.781.893		
- Cty CP Phát triển nhà P.Phú Daewon Thủ Đức		1.500.000.000	1.500.000.000		
- Công ty Nhựa Phước Thành		-	2.000.000.000		
- Công ty TNHH MTV Thương mại Vĩnh Trí		-	50.000.000		
		<b>2.090.862.171</b>	<b>4.204.644.064</b>		
<b>5 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>		31/03/2012	01/01/2012		
		VND	VND		
Phải thu về tiền lãi cho vay		1.022.175.424	1.432.964.683		
Phải thu về lãi góp vốn hợp tác kinh doanh, cổ tức		7.292.768.059	9.565.477.004		
Phải thu về tam mượn vốn thi công		-	5.400.000.000		
Phải thu về tiền điện các hộ kinh doanh		426.465.389	284.839.300		
Nộp hộ tiền sử dụng đất cho Cty CP Len Việt Nam		-	85.513.787.453		
Phải thu về cho mượn vốn lưu động		500.000.000	160.000.000		
Phải thu về chi hộ BQL CC Trường Thọ		1.192.504.295	878.806.056		
Phải thu khác		9.125.072.617	9.119.429.481		
		<b>19.558.985.784</b>	<b>112.355.303.977</b>		
<b>6. HÀNG TỒN KHO</b>		31/03/2012	01/01/2012		
		VND	VND		
Nguyên liệu, vật liệu		65.074.473	102.787.525		
Công cụ, dụng cụ		227.046.736	204.733.353		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1)		395.099.190.732	388.112.039.446		
Hàng hoá		5.098.886.721	4.916.991.490		
Hàng hóa bất động sản		5.391.899.734	5.391.899.734		
Hàng gửi đi bán		-	-		
		<b>405.882.098.396</b>	<b>398.728.451.548</b>		
(1) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:		31/03/2012	01/01/2012		
		VND	VND		
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án</b>		<b>394.917.372.549</b>	<b>386.053.364.717</b>		
Khu nhà ở 6,5 ha P.Bình An, Quận 2		29.714.273.907	29.640.366.107		
Khu nhà ở Bình Chiểu (6,8ha), Q Thủ Đức		43.878.113.454	43.806.500.090		
Khu Tái định cư P.Bình Chiểu (15,7ha), Q.Đ		23.670.451.606	23.974.120.550		
Chung cư cao cấp Hiệp Phú, Q.9		<b>660.819.079</b>	<b>660.819.079</b>		
Chung cư TDH Phước Bình, Q.9		56.048.160.386	46.993.810.579		



Chung cư TDH Phước Long, Q.9	23.565.105.930	19.030.272.125
Khu nhà ở CDM Nông Sản Thủ Đức	37.615.549.614	39.255.049.232
Khu đất LD 1,7ha Hiệp Bình Phước, Q.TĐ	15.883.415.398	15.883.415.398
Khu đất LD 3,3ha Hiệp Bình Phước, Q.TĐ	8.306.110.787	8.306.110.787
Khu dân cư 1,7ha Hiệp Bình Phước - Q.TĐ	25.582.334.628	25.566.127.826
Khu đất Hiệp Phú, Quận 9	151.924.588	151.924.588
Khu La Sapinnette Lăng Cô Resort	445.713.268	445.713.268
Khu La Sapinnette Lăng Cô Phúc Hợp	44.605.637	22.360.183
Khu đô thị DVTM Long Hội	8.139.273.276	8.039.847.775
Khu nhà ở 10ha Linh Trung, Q.TĐ	834.289.628	834.289.628
Khu chung cư 5 tầng Phước Bình, Q.9	767.747.138	767.747.138
Chung cư TDH Trường Thọ, Q.TĐ	116.632.028.041	119.689.465.298
Khu đất Hiệp Bình Chánh (1,3ha), Q.TĐ	68.220.521	68.220.521
Căn hộ Tân Hồng Ngọc	1.232.794.755	-
Dự án TDH Tocontap	1.676.440.908	1.635.940.908
Dự án Chung cư (Công ty TNHH Phúc Thịnh Đức)	-	1.281.263.637
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp</b>	<b>181.818.183</b>	<b>2.058.674.729</b>
Xây dựng nhà khu nhà ở Bình Chiểu	181.818.183	2.058.674.729
	<b>395.099.190.732</b>	<b>388.112.039.446</b>
<b>7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN:</b>	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí trả trước	146.587.312	95.364.873
Chi phí quản lý chờ kết chuyển	1.770.859.462	-
	<b>1.917.446.774</b>	<b>95.364.873</b>
<b>8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC</b>	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	969.882	12.846.063
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	30.980.703	30.980.703
Thuế Thu nhập cá nhân	732.087	4.052.703
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	171.120	171.120
	<b>32.853.792</b>	<b>48.050.589</b>
<b>9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	8.669.729.313	7.585.899.621
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	94.458.700
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	99.998.496	13.000.000
	<b>8.769.727.809</b>	<b>7.693.358.321</b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	140.190.773.879	39.963.981.785	10.537.627.742	4.586.910.009	21.677.874.736	216.957.168.151
Số tăng trong kỳ	20.203.697.937	-	-	21.818.182	-	20.225.516.119
- Mua sắm mới	-	-	-	21.818.182	-	21.818.182
- Phân loại lại	20.203.697.937	-	-	-	-	20.203.697.937
Số giảm trong kỳ	0	-	1.133.002.852	14.621.905	20.203.697.937	21.351.322.694
- Phân loại lại	-	-	-	-	20.203.697.937	20.203.697.937
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	148.708.870	-	-	148.708.870
- Giảm khác	-	-	984.293.982	14.621.905	-	998.915.887
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>160.394.471.816</b>	<b>39.963.981.785</b>	<b>9.404.624.890</b>	<b>4.594.106.286</b>	<b>1.474.176.799</b>	<b>215.831.361.576</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	14.460.738.165	11.361.625.829	4.225.325.457	3.166.205.158	2.758.374.610	35.972.269.219
Số tăng trong kỳ	3.468.743.845	930.164.484	293.764.799	188.598.828	40.986.144	4.922.258.100
- Trích khấu hao	1.412.056.177	930.164.484	293.764.799	188.598.828	40.986.144	2.865.570.432
- Tăng khác	2.056.687.668	-	-	-	-	2.056.687.668
Số giảm trong kỳ	0	0	312.372.463	10.560.264	2.056.687.668	2.379.620.395
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	148.708.870	-	-	148.708.870
- Giảm khác	-	-	163.663.593	10.560.264	2.056.687.668	2.230.911.525
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>17.929.482.010</b>	<b>12.291.790.313</b>	<b>4.206.717.793</b>	<b>3.344.243.722</b>	<b>742.673.086</b>	<b>38.514.906.924</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	125.730.035.714	28.602.355.956	6.312.302.285	1.420.704.851	18.919.500.126	180.984.898.932
Số dư cuối kỳ	142.464.989.806	27.672.191.472	5.197.907.097	1.249.862.564	731.503.713	177.316.454.652



11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	19.680.376.026	6.325.970.403	26.006.346.429
Số tăng trong kỳ	-	11.000.000	11.000.000
- Mua sắm mới		11.000.000	11.000.000
Số giảm trong kỳ	0	22.000.000	22.000.000
- Giảm khác		22.000.000	22.000.000
Số dư cuối kỳ	19.680.376.026	6.314.970.403	25.995.346.429
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	1.410.378.742	3.946.893.246	5.357.271.988
Số tăng trong kỳ	437.438.575	63.615.501	501.054.076
- Trích khấu hao	437.438.575	63.615.501	501.054.076
Số giảm trong kỳ	0	-	0
Số dư cuối kỳ	1.847.817.317	4.010.508.747	5.858.326.064
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	18.269.997.284	2.379.077.157	20.649.074.441
Số dư cuối kỳ	17.832.558.709	2.304.461.656	20.137.020.365
<b>12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG</b>		31/03/2012	01/01/2012
		VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		15.474.835.642	15.474.835.642
- Công trình nhà nghỉ Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức		94.888.637	94.888.637
- Trung tâm giao dịch nông sản và hệ thống kho lạnh		12.334.559.741	12.334.559.741
- Bờ kè, mái che kho lạnh		55.376.960	55.376.960
- Hệ thống điện Pano quảng cáo		6.362.030	6.362.030
- Khu nghỉ dưỡng La Sapinette Lăng Cô Resort		2.983.648.274	2.983.648.274
Mua sắm tài sản cố định		8.586.382.000	8.586.382.000
- Dự án phần mềm SAP ERP		8.586.382.000	8.586.382.000
		<b>24.061.217.642</b>	<b>24.061.217.642</b>
<b>13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ</b>	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	11.740.332.435	-	11.740.332.435
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	0	-	0
Số dư cuối kỳ	11.740.332.435	-	11.740.332.435
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	3.026.317.738	-	3.026.317.738
Số tăng trong kỳ	169.274.091	-	169.274.091
Số giảm trong kỳ	0	-	-
Số dư cuối kỳ	3.195.591.829	-	3.195.591.829
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Đầu năm	8.714.014.697	-	8.714.014.697
Cuối kỳ	8.544.740.606	-	8.544.740.606

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>143.766.000.000</b>	-
- Cty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức	143.766.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (1)</b>	<b>495.627.220.916</b>	<b>497.143.948.589</b>
- Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	14.247.391.811	12.483.938.348
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nghĩa Phú	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty CP Phát triển nhà Deawon-Thủ Đức	143.585.125.300	145.612.703.678
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú	55.460.659.423	55.460.659.423
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long	37.074.246.896	35.952.640.174
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	13.837.925.975	14.495.216.954
- Công ty LD Thuduchouse Property Venture	56.586.131.422	56.586.131.422
- Công ty CP Sản xuất Thương mại Gia Đức	3.109.719.734	4.609.719.734
- Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	19.639.585.237	19.856.503.737
- Công ty TNHH Bách Phú Thịnh	95.550.000.000	95.550.000.000
- CN Công ty TNHH Bảo vệ Hùng Vương	936.435.119	936.435.119
- CTTNHH TM Vận tải DV Than Ngọc Thành	600.000.000	600.000.000
- Công ty CP Đầu tư Ngôi sao Gia Định	54.000.000.000	54.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác <sup>(2)</sup></b>	<b>583.621.018.880</b>	<b>590.413.114.662</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn <sup>(3)</sup></b>	<b>(44.285.927.306)</b>	<b>(54.352.382.726)</b>
	<b>1.178.728.312.490</b>	<b>1.033.204.680.525</b>



**(1) Chi tiết đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	Tp.Hồ Chí Minh	36,67%	36,67%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Nghĩa Phú	Tp.Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Phát triển nhà Deawon-Thủ Đức	Tp.Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú	Tp.Hồ Chí Minh	27,00%	27,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long	Tp.Hồ Chí Minh	37,59%	37,59%	Dệt may và đầu tư
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	Tp.Hồ Chí Minh	22,49%	22,49%	Đầu tư tài chính
Công ty CP Sản xuất Thương mại Gia Đức	Tp.Hồ Chí Minh	40,50%	45,00%	Thương mại, xây lắp và vật liệu xây dựng
Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	Tp.Hồ Chí Minh	47,75%	47,75%	Xây lắp
Công ty TNHH Bách Phú Thịnh	Tp.Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Kinh doanh bất động sản
CTNNHH TM Vận tải DV Than Ngọc Thành	Tp.Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	Dịch vụ vận tải
Công ty CP Đầu tư Ngôi sao Gia Định	Tp.Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	Kinh doanh bất động sản

**(1) Chi tiết đầu tư vào công ty liên doanh**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/03/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty LD Thuduchouse Property Venture	California, Hoa Kỳ	50,00%	50,00%	Kinh doanh bất động sản
CN Công ty TNHH Bảo vệ Hùng Vương	Tp.Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Dịch vụ bảo vệ

**(2) Chi tiết đầu tư dài hạn khác**

	31/03/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu CTCP ĐHTH KT TP.HCM (CII), (*) (2)	1	10.547	10.001	105.478.063
Cổ phiếu TCT CP BH Dầu Khí (*)	109.350	8.593.500.000	109.350	8.593.500.000
Cổ phiếu Công ty CP Xây dựng số 5 (*)	142.675	10.227.309.952	142.675	10.227.309.952
Chứng chỉ quỹ Đầu Tư Prudential (*)	1.250.000	12.875.000.000	1.250.000	12.875.000.000
Chứng chỉ quỹ Tăng Trưởng Việt Long	1.681.029	17.062.444.350	3.000.000	30.450.000.000

Công ty CP Chứng khoán TP.HCM (HSC) (**),(*)	520.805	8.301.207.362	520.805	8.301.207.362
NHTMCP Phương Đông (cổ đông chiến lược)	3.346.119	31.867.800.000	3.346.119	31.867.800.000
TCTCổ phần Phong Phú (cổ đông chiến lược)	2.700.000	33.779.700.000	2.700.000	33.779.700.000
Công ty P ĐHTT và BĐS Thái Bình Dương (*)	1.843.200	30.009.600.000	1.843.200	30.009.600.000
CTCP XNK & ĐT TTHuế (Cổ đông chiến lược)	306.000	4.500.000.000	306.000	4.500.000.000
Công ty CP KD BĐS Phát triển nhà TP (**)	320.000	3.200.000.000	320.000	3.200.000.000
Cổ phiếu NH TM CP An Bình	4.100	29.510.000	4.100	29.510.000
CP Cty CP Đá Núi nhỏ (**)	2	27.106	2	27.106
Công ty CP XD và Phát triển Ngôi nhà Huế	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
CTCP DV và XTTM Hiệp hội DN TPHCM	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Công ty CP Tài chính Dệt may	3.450.000	41.400.000.000	3.450.000	41.400.000.000
Công ty CP Đầu tư Khánh Phú	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Góp vốn HTKD với Công ty CP ĐT XD TM DV DL Đô Thành		211.428.125		211.428.125
Góp vốn Đầu tư KCN Đồng Mai		40.000.000.000		40.000.000.000
Góp vốn Đầu tư KDC Bến Lức Long An		57.100.132.614		53.498.676.273
Góp vốn Đầu tư khu tái định cư Tam Tân		290.497.641		290.497.641
Góp vốn Đầu tư TTTM Phường Phước Long B		165.040.411.183		162.328.940.140
Góp vốn Cty CP Phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức		58.119.015.620		58.119.015.620
Góp vốn hợp tác Sàn giao dịch ThuDuc House Vinatexland		2.311.674.380		2.311.674.380
DA Khu nhà ở TDH - Tocontap		18.223.750.000		18.223.750.000
Góp vốn ĐTDA TT TMDV VP Xanh - Cty CP TMDV Sài Gòn		5.478.000.000		5.090.000.000
Góp vốn HTKD với CT CP Bất động sản Dệt may VN		9.000.000.000		9.000.000.000
Góp vốn HTKD với Công ty TNHH Đầu tư Việt Thái Sơn		21.500.000.000		21.500.000.000
		<b>583.621.018.880</b>		<b>590.413.114.662</b>

(\*\*) Trả cổ tức bằng cổ phiếu, chia thưởng cổ phiếu làm thay đổi số lượng cổ phiếu.

(2) Mua, bán chứng khoán trong năm.

(\*) Các Cổ phiếu đang được niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung.



(3) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại ngày 31/03/2012:

<u>Tên chứng khoán</u>	<u>Số lượng CP</u>	<u>Giá trị theo giá thị trường</u>	<u>Giá trị theo sổ kế toán</u>	<u>Dự phòng giảm giá</u>
	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)
Cổ phiếu TCT CP BH Dầu khí (PVI)	109.350	1.990.170.000	8.593.500.000	(6.603.330.000)
Cổ phiếu Công ty CP Xây dựng số 5 (SC5)	142.675	2.282.800.000	10.227.309.952	(7.944.509.952)
Chứng chỉ quỹ Đầu tư Prudential (PRUBF1)	1.250.000	6.750.000.000	12.875.000.000	(6.125.000.000)
Công ty CP ĐTHT và BĐS Thái Bình Dương	1.843.200	12.165.120.000	30.009.600.000	(17.844.480.000)
<u>Khoản đầu tư tài chính dài hạn</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Vốn CSH theo báo cáo tài chính</u>	<u>Giá trị theo sổ kế toán</u>	<u>Dự phòng tổn thất</u>
	(1)	(2)	(3)	(4) = (1) x (2) - (3)
Chứng chỉ quỹ tăng trưởng Việt Long - Vốn điều lệ 168.102.880.000 VND.	5%	79.864.675.944	8.531.222.175	(4.537.988.378)
Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế - Vốn điều lệ 17.351.400.000 VND	17,3%	18.909.086.316	4.500.000.000	(1.230.618.976)
<b>Tổng cộng dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</b>				<b>(44.285.927.306)</b>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thuê tài sản dài hạn Văn phòng Công ty mẹ	1.551.036.780	3.949.856.408
Chi phí thiết kế lắp đặt nội thất Văn phòng Công ty mẹ	2.333.014.121	2.667.308.970
Chi phí quảng cáo chưa phân bổ	1.330.676.357	1.209.574.850
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	198.706.245	218.576.868
Chi phí lãi vay góp vốn dự án 3,7ha Phước Long B	15.165.736.109	11.149.819.442
Chi phí lãi vay góp vốn DA chung cư Phúc Thịnh Đức	1.745.205.479	
Chi phí lãi vay góp vốn DA Phố Minh Khai	1.745.205.479	
Chi phí trả chậm tiền sử dụng đất Dự án ĐTXD CT cao tầng kết hợp TM 102 Đặng Văn Bi.	1.067.952.000	1.067.952.000
Giá trị còn lại CCDC xuất dùng chưa phân bổ	7.815.517.826	7.406.886.659
Tiền thuê ô vựa dài hạn để cho thuê ngắn hạn	9.694.985.319	9.753.286.499
Chi phí lãi vay phải trả	3.891.313.255	2.097.763.445
Chi phí trả trước dài hạn khác	765.761.738	2.131.877.748
	<b>47.305.110.708</b>	<b>41.652.902.889</b>

**16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ

31/03/2012	01/01/2012
VND	VND
3.381.281.148	3.381.281.148
<b>3.381.281.148</b>	<b>3.381.281.148</b>

**17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Ký quỹ dài hạn BQL Khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô  
Ký quỹ thuê văn phòng TDH  
Ký cược, ký quỹ thực hiện dự án của Công ty CP Huế Nhà Thủ Đức  
Ký cược, ký quỹ dài hạn khác

31/03/2012	01/01/2012
VND	VND
8.000.000.000	8.000.000.000
2.328.354.000	2.328.354.000
4.000.000.000	4.000.000.000
-	90.000
<b>14.328.354.000</b>	<b>14.328.444.000</b>

**18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Số dư đầu năm  
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ  
Số dư cuối năm

Quý 1/2012	Năm 2011
VND	VND
5.361.568.538	6.169.882.244
202.078.427	808.313.706
<b>5.159.490.111</b>	<b>5.361.568.538</b>

**19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Vay ngắn hạn <sup>(\*)</sup>  
- Vay ngân hàng  
- Vay tổ chức khác  
- Vay cá nhân  
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả <sup>(\*\*)</sup>

31/03/2012	01/01/2012
VND	VND
<b>232.344.543.387</b>	<b>234.715.874.290</b>
187.844.543.387	194.715.874.290
44.500.000.000	40.000.000.000
-	-
<b>23.153.271.019</b>	<b>25.403.271.019</b>
<b>255.497.814.406</b>	<b>260.119.145.309</b>

(\*) Chi tiết vay ngắn hạn

**Vay ngân hàng**

Vay ngân hàng của Công ty mẹ  
- Ngân hàng TMCP Đại Á - CN HCM <sup>(1)</sup>  
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- SGD 1 <sup>(1)</sup>  
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đông Sài Gòn <sup>(2)</sup>  
- NH Phát triển nhà ĐB sông Cửu Long- CN Chợ Lớn <sup>(3)</sup>

31/03/2012	01/01/2012
VND	VND
<b>187.844.543.387</b>	<b>194.715.874.290</b>
187.844.543.387	194.715.874.290
150.000.000.000	127.000.000.000
-	10.000.000.000
11.844.543.387	35.715.874.290
26.000.000.000	22.000.000.000
-	-

**Vay tổ chức khác**

Vay tổ chức khác của Công ty mẹ  
- Tổng Công ty Phong Phú <sup>(4)</sup>  
- Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á <sup>(5)</sup>  
- Công ty TNHH XD Phong Đức <sup>(6)</sup>

<b>44.500.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
44.500.000.000	40.000.000.000
30.000.000.000	30.000.000.000
13.000.000.000	10.000.000.000
1.500.000.000	-
<b>232.344.543.387</b>	<b>234.715.874.290</b>



(**) Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tại Công ty mẹ	16.403.271.019	16.403.271.019
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đông Sài Gòn	13.403.271.019	13.403.271.019
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP Hồ Chí Minh	3.000.000.000	3.000.000.000
Tại Công ty con	6.750.000.000	9.000.000.000
- Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu Long - CN		
- Lâm Đồng (Công ty Cổ phần Thông Đức)	6.750.000.000	9.000.000.000
	<b>23.153.271.019</b>	<b>25.403.271.019</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

(1) Hợp đồng tín dụng số HM11/091/HCM ngày 13/07/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 9 tháng;
- Lãi suất cho vay: thả nổi có điều chỉnh
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: đất thuộc sở hữu của đơn vị:
  - + Tại số 9 thửa đất tại phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.
  - + Tại số 10 thửa đất tại phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.
  - + Tại thửa đất số 1-3, tờ bản đồ số 8, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
  - + Tại thửa đất số 1-3, tờ bản đồ số 8, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
- Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 150 tỷ đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 11.33.001/HĐTD ngày 22/01/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: thả nổi có điều chỉnh
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp;
- Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 11.844.543.387 đồng.

(3) Bao gồm hai Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

a) Hợp đồng tín dụng số N.A.0173.11/ HĐTD ngày 16/09/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Góp vốn kinh doanh với Công ty Cổ phần Tiến Lộc Đức;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng.;
- Lãi suất cho vay: thả nổi có điều chỉnh
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của bên vay;
- Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 15 tỷ đồng.

b) Hợp đồng tín dụng số N.A.146/11/HĐTD ngày 16/09/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 17.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: thả nổi có điều chỉnh
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của bên vay;
- Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 11 tỷ đồng.

(4) Hợp đồng tín dụng số 92/HĐ.PP-TDH ngày 20/06/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;

- Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 16%/ năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
- Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 30 tỷ đồng.

(5) Hợp đồng tín dụng số ngày 1204/HĐ- DAL- TDH-11, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 13.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: 18,5%/ năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
- Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 13 tỷ đồng.

Hợp đồng tín dụng số ngày 030/HĐCV12 với các điều khoản chi tiết sau:

- (6)
- Hạn mức tín dụng: 1.500.000.000 VND;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
  - Thời hạn của hợp đồng: 5 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 18,5%/ năm;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
  - Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1,5 tỷ đồng.

#### 20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	598.696.248	4.264.694.947
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	25.256.186.808	26.264.776.107
Thuế Thu nhập cá nhân	425.056.768	2.150.379.809
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	426.034.960	426.034.960
	<b>26.705.974.784</b>	<b>33.105.885.823</b>

*Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.*

#### 21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí hạ tầng kỹ thuật Khu TTDVTM và Nhà ở An Phú	17.813.130.113	17.813.130.113
Trích trước chi phí phải trả khác	968.561.455	275.000.000
	<b>18.781.691.568</b>	<b>18.088.130.113</b>



22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	645.752.584	1.221.874.680
Bảo hiểm xã hội	155.348.568	429.063
Bảo hiểm y tế	81.666.692	
Bảo hiểm thất nghiệp	17.052.190	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.028.033.336
Cổ tức, trái tức phải trả	7.348.641.439	5.888.016.465
Phải trả về lãi hợp tác kinh doanh các dự án	1.328.137.582	1.328.137.582
Phải trả lãi vay	56.270.833	3.681.444.898
Phải trả, phải nộp khác	4.932.946.814	8.068.882.941
	<b>14.565.816.702</b>	<b>22.216.818.965</b>
<b>23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>31/03/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	VND	VND
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	927.982.998	945.496.395
Phải trả dài hạn khác	69.623.234.889	80.067.338.176
- Nhận góp vốn đầu tư Khu nhà ở 6,5 Bình An	39.912.818.373	42.912.818.373
- Nhận góp vốn mua cổ phiếu Cty CP Đầu tư Phước Long	85.085.000	85.085.000
Nhận góp vốn đầu tư mua cổ phần Quỹ Tăng trưởng Việt		
- Long của TCT CP Phong Phú	8.531.222.175	15.225.000.000
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Khu 1,7ha Hiệp		
- Bình Phước với Công ty TNHH XD Nhà Vinh Lợi	2.035.198.998	2.446.138.998
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Khu 3,3ha Hiệp Bình		
- Phước với Công ty TNHH XD Văn Lang	8.372.110.343	8.372.110.343
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Khu Đô thị mới Bình		
- Chiểu với Công ty CP XD&KD Địa ốc Hòa Bình	10.686.800.000	10.686.800.000
- Ban quản lý dự án Chung cư TDH Trường Thọ	-	339.385.462
	<b>70.551.217.887</b>	<b>81.012.834.571</b>
<b>24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN</b>	<b>31/03/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	VND	VND
Vay dài hạn (*)	154.101.456.361	149.000.000.000
- Vay ngân hàng	137.101.456.361	132.000.000.000
- Vay tổ chức khác	17.000.000.000	17.000.000.000
Nợ dài hạn	208.873.100.000	208.873.100.000
- Trái phiếu phát hành (**)	208.873.100.000	208.873.100.000
	<b>362.974.556.361</b>	<b>357.873.100.000</b>

(\*\*) Số lượng trái phiếu chuyển đổi Thuduc House 2010 đã phân phối 2.088.731 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 7%/năm, kỳ trả lãi 12 tháng, ngày phát hành 17/11/2010.

(*) Chi tiết vay dài hạn	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>137.101.456.361</b>	<b>132.000.000.000</b>
Vay ngân hàng của Công ty mẹ	105.101.456.361	100.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đông Sài Gòn <sup>(1)</sup>	5.101.456.361	-
- Ngân hàng TMCP Đại Á <sup>(2)</sup>	100.000.000.000	100.000.000.000
Vay ngân hàng của Công ty con	32.000.000.000	32.000.000.000
NH Phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu Long - CN		
- Lâm Đồng (Công ty Cổ phần Thông Đức) <sup>(3)</sup>	32.000.000.000	32.000.000.000
<b>Vay tổ chức khác</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>17.000.000.000</b>
Vay tổ chức khác của Công ty mẹ	17.000.000.000	17.000.000.000
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP Hồ Chí Minh <sup>(4)</sup>	17.000.000.000	17.000.000.000
	<b>154.101.456.361</b>	<b>149.000.000.000</b>

#### Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Bao gồm hai Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

a) Hợp đồng tín dụng số 07.17.0074A/HĐTD ngày 24/12/2007, với các điều khoản sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 80.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: thanh toán các chi phí hợp lệ liên quan đến đầu tư xây dựng khu chung cư Trường Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: 19,5%/ năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là đồng 9.976.282.332, số dư nợ gốc phải trả trong năm là 9.976.282.332 đồng.

b) Hợp đồng tín dụng số 11.33.002/HĐTD ngày 28/01/20011, với các điều khoản sau:

- Hạn mức ngân hàng cho vay: 40 tỷ VND;
- Thời hạn giải ngân: 12 tháng
- Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay: Hợp tác kinh doanh Dự án Khu dân cư Trung tâm thị trấn Bến Lức giai đoạn 2;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 8.528.445.048 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm là 3.426.988.687 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số TD11/024/HĐTD ngày 09/03/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 100.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Góp vốn thanh toán chi phí quyền sử dụng đất và chi phí di dời nhà xưởng của dự án "Nhà ở và trung tâm Thương mại - Dịch vụ tại phường Phước Long B, quận 9, TP HCM";
- Thời hạn cho vay: 48 tháng;
- Lãi suất cho vay: thả nổi có điều chỉnh
- Hình thức bảo đảm tiền vay: giá trị vốn góp vào Công ty Đầu tư Phúc Thịnh Đức;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 100.000.000.000 đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng số 303/2010/HĐTD - D9TTC - TD ngày 04/08/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 40.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng chung cư TDH Phước Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh;
- Thời hạn cho vay: 48 tháng;
- Lãi suất cho vay: 17%/ năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Bảo lãnh tính dụng
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 20 tỷ đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 3 tỷ đồng.



25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Số dư đầu năm	378.750.000.000	434.907.537.026	(2.962.357.112)	1.568.631.952	436.553.963.709	46.641.542.530	22.765.702.124	1.318.225.020.229
2. Tăng vốn trong năm	-	-	-	39.135.258	1.654.671.541	435.171.974	2.980.599.242	5.109.578.016
Lãi, lỗ trong kỳ	-	-	-	39.135.258			2.980.599.242	3.019.734.501
Trích lập các quỹ (1)					1.654.671.541	435.171.974		2.089.843.515
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	1.568.631.952	1.108.879.348	183.279.682	9.117.572.257	11.978.363.239
Phân phối lợi nhuận 2011	-	-	-	-			3.763.662.701	3.763.662.701
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-			15.000.000	15.000.000
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá				1.568.631.952				1.568.631.952
Giảm khác	-	-	-	-	1.108.879.348	183.279.682	5.338.909.556	6.631.068.586
4. Số dư cuối năm nay	378.750.000.000	434.907.537.026	(2.962.357.112)	39.135.258	437.099.755.902	46.893.434.822	16.628.729.109	1.311.356.235.006

b) Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/03/2012	Tỷ lệ	01/01/2012
	%	VND	%	VND
	100	378.750.000.000	100	378.750.000.000
		<b>378.750.000.000</b>		<b>378.750.000.100</b>
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Quý 1/2012		Quý 1/2011
		VND		VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		378.750.000.000		378.750.000.000
- Vốn góp đầu kỳ		378.750.000.000		378.750.000.000
- Vốn góp cuối kỳ		378.750.000.000		378.750.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-		36.957.783.000
- Cổ tức năm 2010 đã chia bằng tiền		-		36.957.783.000
d) Cổ phiếu		31/03/2012		01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		37.875.000		37.875.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		37.875.000		37.875.000
- Cổ phiếu phổ thông		37.875.000		37.875.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		179.990		179.990
- Cổ phiếu phổ thông		179.990		179.990
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		37.695.010		37.695.010
- Cổ phiếu phổ thông		37.695.010		37.695.010
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành 10.000 VND/cổ phần				
e) Các quỹ công ty		31/03/2012		01/01/2012
		VND		VND
Quỹ đầu tư phát triển		437.099.755.902		436.553.963.709
Quỹ dự phòng tài chính		46.893.434.822		46.641.542.530
		<b>483.993.190.724</b>		<b>483.195.506.239</b>
26. VẬT TƯ, HÀNG HÓA NHẬN GIỮ HỘ, NHẬN GIA CÔNG		31/03/2012		01/01/2012
		VND		VND
Tài sản giữ hộ <sup>(1)</sup>		27.043.058.000		27.043.058.000
		<b>27.043.058.000</b>		<b>27.043.058.000</b>
<i>(1) Công ty được giao tiếp nhận và quản lý một số tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Dự án Chợ đầu mối phía đông Thành phố (Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức) theo Quyết định 4363/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2008 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh v/v quyết toán vốn đầu tư các hạng mục sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của dự án Chợ đầu mối phía đông Thành phố.</i>				
27. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Quý 1/2012		Quý 1/2011
		VND		VND
Doanh thu bán hàng		43.701.552.490		51.732.443.729
Doanh thu cung cấp dịch vụ		33.150.500.841		27.956.916.786
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		487.896.302		44.850.524.434
		<b>77.339.949.633</b>		<b>124.539.884.949</b>
28. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		Quý 1/2012		Quý 1/2011
		VND		VND
Hàng bán bị trả lại		10.385.343.656		3.778.175.361
		<b>10.385.343.656</b>		<b>3.778.175.361</b>



**29. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	33.316.208.834	47.954.268.368
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	33.150.500.841	27.956.916.786
Doanh thu thuần về kinh doanh bất động sản đầu tư	487.896.302	44.850.524.434
	<b>66.954.605.977</b>	<b>120.761.709.588</b>

**30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	28.196.184.176	31.820.920.947
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.494.421.648	23.694.267.026
Giá vốn của kinh doanh bất động sản đầu tư	316.763.639	24.571.565.421
	<b>57.007.369.463</b>	<b>80.086.753.394</b>

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	741.968.725	852.300.512
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.795.827.047	3.023.890.489
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	100.532.484	11.784.024.000
	<b>3.638.328.256</b>	<b>15.660.215.001</b>

**32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.037.717.032	8.372.247.850
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	10.076.326	4.780.880
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(6.372.677.595)	3.480.605.800
Chi phí tài chính khác	410.736	-
	<b>2.675.526.499</b>	<b>11.857.634.530</b>

**33. THU NHẬP KHÁC**

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	909.091	2.181.818
Phạt do vi phạm hợp đồng	558.302.215	876.125.032
Thu nhập khác	34.959.972	24.674.455
	<b>594.171.278</b>	<b>902.981.305</b>

**34. CHI PHÍ KHÁC**

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
	VND	VND
Chi phí khác	87.080.072	16.440.470
	<b>87.080.072</b>	<b>16.440.470</b>

**35. PHÂN LÃI (LỖ) TRONG CTY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	Quý 1/2012	Năm 2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Deawon - Thủ Đức	(245.410.444)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long	4.878.356.350	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	(755.680.647)	-
Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	3.697.035	248.831.374
	<b>3.880.962.293</b>	<b>248.831.374</b>

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
<b>36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>		
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	6.380.240.258
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	626.940.941	395.452.087
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>626.940.941</b>	<b>6.775.692.345</b>
<b>37 LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	Quý 1/2012	Quý 1/2011
Cty TNHH Thương Mại DV Song Đức	(13.345.545)	(47.000.068)
Cty Cổ Phần thông Đức	(695.861.779)	(328.985.692)
	<b>(709.207.324)</b>	<b>(375.985.760)</b>

**38 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế của cổ đông Cty mẹ	2.980.599.242	21.260.656.459
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.980.599.242	21.260.656.459
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	37.695.010	37.875.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>79</b>	<b>561</b>

**39 THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty

3. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình

4. Những thông tin khác

Quyết định số 4530/QĐ-UB ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh về việc giao đất cho Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức để đầu tư xây dựng chợ đầu mối phía Đông thành phố và hạ tầng khu nhà ở phố chợ tại phường Tam Bình, quận Thủ Đức và các ngành chức năng quản lý. Theo đó, Công ty đang thực hiện quản lý và khai thác nhà lồng chợ A, nhà lồng chợ B và các công trình phụ trợ khác, các tài sản này sẽ được bàn giao lại sau khi hết hạn hợp đồng thuê kỳ với tiểu thương kinh doanh tại chợ.

**40. BÁO CÁO BỘ PHẬN : in trang sau**

Người lập



Lê Ngọc Châu

Kế toán trưởng



Quan Minh Tuấn

Lập ngày 11 tháng 5 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lê Chí Hiếu



**40 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Địa ốc	Dịch vụ quản lý chợ	Thương mại, dịch vụ	Dịch vụ khách sạn	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	
1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.573.821.258	24.005.257.140	18.523.621.291	5.391.316.923	460.589.365	66.954.605
2. DTT từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	256.454.780	687.876.591	49.429.632	-	993.761
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.457.763.005	2.360.987.962	48.078.688	(2.481.397.889)	(4.875.152.406)	(1.489.720)
4. Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	-	32.818.182	32.818
5. Tổng tài sản	626.646.795.675	32.290.033.746	61.994.254.797	187.847.499.978	372.747.703.899	2.167.422.605
Tài sản bộ phận	626.646.795.675	32.290.033.746	61.994.254.797	187.847.499.978	372.747.703.899	1.281.526.288
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	885.896.321
6. Tổng nợ phải trả	354.866.894.277	9.886.730.258	3.526.939.748	48.513.666.983	270.953.627	818.757.435
Nợ phải trả của các bộ phận	354.866.894.277	9.886.730.258	3.526.939.748	48.513.666.983	270.953.627	417.065.184
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	401.692.254

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu ở khu vực phía Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý